TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH D**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17-4-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Đình Phương.

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Hoài Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh D tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Hồng A** – Sinh năm: 2001; nơi cư trú: Thôn G, xã H, huyện C, tỉnh D (có mặt).

Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** – Sinh năm: 2000; nơi cư trú: Thôn F, xã E, huyện C, tỉnh D (vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2024 và các lời khai, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng A yêu cầu:

1.1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng A và anh Phạm Văn B có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2019, sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã E, huyện C, tỉnh D vào ngày 10/8/2020. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A và anh B không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh Pháp không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời không chăm lo cho gia đình, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ ngày 02 tháng 9 năm 2024, chị A về nhà cha, mẹ chị ở thôn G, xã H, huyện C sinh sống và cũng từ đó, chị A và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị A nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn B.

1.2. Về con chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị Hồng A và anh Phạm Văn B có 01 con chung tên: Phạm Anh K, sinh ngày 07/9/2020, hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn anh Phạm Văn B: Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cũng như các thông báo hòa giải và tại phiên tòa hôm nay anh Phạm Văn B cố tình lẩn tránh từ chối khai báo.

Bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa hôm nay đã nêu rõ trình tự thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử đúng theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay đề nghị Hội đồng xét xử: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Hồng A được ly hôn với anh Phạm Văn B.

Về con chung: Giao cháu Phạm Anh K, sinh ngày 07/9/2020 cho chị Phạm Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu, anh Phạm Văn B cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí HNST: Chị Phạm Thị Hồng A phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn B được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Pháp vẫn cố tình vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Phạm Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Hồng A và anh Phạm Văn B có tìm hiểu và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2019, sau đó mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh D vào ngày 10/8/2020. Hôn nhân của chị A và anh B là hợp pháp, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không mấy hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị A và anh B không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống, hơn nữa anh B không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời không chăm lo cho gia đình, hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không thành. Đỉnh điểm của mâu thuẫn từ ngày 02 tháng 9 năm 2024, chị A về nhà cha, mẹ chị ở thôn G, xã H, huyện C sinh sống và cũng từ đó, chị A và anh B không sống chung với nhau như vợ chồng cho đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Ngày 08 tháng 10 năm 2024, chị Phạm Thị Hồng A làm đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con gửi đến Tòa án. Quá trình Tòa giải quyết, anh Phạm Văn B cố tình lẩn tránh, tại phiên tòa hôm nay anh B cũng cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh B. Tòa xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Phạm Thị Hồng A và anh Phạm Văn B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Hồng A là phù hợp với các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Hồng A và anh Phạm Văn B có 01 con chung tên: Phạm Anh K, sinh ngày 07/9/2020, hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị A yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Anh K, anh Phạm Văn B cố tình lẩn tránh nên Hội đồng xét xử không biết được nguyện vọng của anh B, yêu cầu này của chị A là chính đáng, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị Phạm Thị Hồng A không yêu cầu, anh Phạm Văn B cố tình lẩn tránh không ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí HNST: Chị Phạm Thị Hồng A phải chịu theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh D phát

biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị Hồng A được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Anh K, sinh ngày 07/9/2020 cho chị Phạm Thị Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí HNST: Chị Phạm Thị Hồng A phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước, chị A đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007041 ngày 01/11/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, nay được khấu trừ.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai có mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Phòng Thanh tra, Kiểm tra và Thi hành án TAND tỉnh D;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Đ